TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ THỦ ĐỨC
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : …28... / TB - CNTĐ - QLĐT

THÔNG BÁO KẾT QUẢ CHẤM THI PHÚC KHẢO
KỲ THI : HK I_ NĂM HỌC: 2023 - 2024

Stt	Mã SV	Họ tên học sinh	Lớp HP	Môn	Khoa QLHP	Điểm đã PK	Ghi chú
01	20211CK0124	Dương Chí Cường	TNC10209003	Các Phương Pháp Gia Công Đặc Biệt	CKCTM	0.5	
02	20211CK3079	Nguyễn Trường Thi	CNC10254001	Công Nghệ CNC	CKCTM	2.0	
03	22211CT0867	Trần Nhật Huy	CNC10254005	Công Nghệ CNC	CKCTM	1.0	
04	22211CD1538	Dương Trọng Khánh	CSC12307001	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	CNTĐ	1.5	
05	23211DK0860	Nguyễn Văn Trọng Nghĩa	CSK12902002	Máy điện	CNTĐ	3.5	
06	22211DK2289	Trần Hà Bảo	CNC12302001	Vi điều khiển và ứng dụng	CNTĐ	**2.5**	
07	22211CD2840	Bùi Xuân Thành	CNC12302001	Vi điều khiển và ứng dụng	CNTĐ	**6.0**	
08	22211CD1104	Nguyễn Vĩ Cường	CNC12302006	Vi điều khiển và ứng dụng	CNTĐ	2.5	
09	21211DH0805	Nguyễn Quốc Tài	CNC12129001	Dàn trang với Adobe Indesign	CNTT	0.0	
10	22211DH3376	Đoàn Nguyễn Phương Trúc	CNC12129004	Dàn trang với Adobe Indesign	CNTT	7.0	
11	23211TT4128	Nguyễn Công Hiếu	CSC10605103	Kỹ thuật lập trình	CNTT	3.5	
12	23211TT4609	Trần Phạm Thạch Phú	CSC10605112	Kỹ Thuật lập trình	CNTT	5.0	
13	22211TT2061	Đỗ Tiến Phát	CSC10605501	Kỹ thuật lập trình 2	CNTT	**1.0**	
14	22211TT2883	Nguyễn Phúc Thiện Nhân	CNC10727004	Lập Trình Ứng Dụng	CNTT	**6.0**	
15	23211TM4266	Võ Thành Công	CSC10611103	Mạng máy tính	CNTT	**8.5**	
16	23211TM2530	Võ Thanh Hiền	CSC10611103	Mạng máy tính	CNTT	5.0	
17	23211TT4609	Trần Phạm Thạch Phú	CSC10611115	Mạng máy tính	CNTT	6.0	
18	23211KT2566	Trần Thị Thanh Tuyết	DCC10019134	Tin học	CNTT	**6.0**	
19	23211LG2755	Phạm Nguyễn Anh Thư	DCC10019140	Tin học	CNTT	**5.0**	
20	23211LG2819	Nguyễn Văn Tiến	DCC10019140	Tin học	CNTT	1.0	
21	23211LG4599	Lê Thành Bôn	DCC10019141	Tin học	CNTT	**6.0**	
22	23211MK3303	Nguyễn Ngọc Thủy Tiên	DCC10019156	Tin học	CNTT	**4.5**	
23	22211CT1801	Dương Duy Khánh	DCC10019178	Tin học	CNTT	**6.0**	
24	23211LG4061	Võ Thị Hồng Vy	DCC10019186	Tin học	CNTT	**1.0**	
25	21211LG3559	Trần Hoài Trang Nhung	CNC10403001	Xử lý bảng tính	CNTT	0.5	

Stt	Mã SV	Họ tên học sinh	Lớp HP	Môn	Khoa QLHP	Điểm đã PK	Ghi chú
26	22211QT2631	Lê Thị Hồng Vân	CNC10403002	Xử lý bảng tính	CNTT	2.0	
27	21211QT1422	Lê Thái Sơn	CNC10403010	Xử lý bảng tính	CNTT	1.5	
28	21211DD0017	Huỳnh Ngọc Tươi	NNC11101003	Anh văn chuyên ngành	Điện -ĐT	8.0	
29	22211DN2283	La Việt Chiến	CSC11203009	Điện tử cơ bản	Điện -ĐT	2.0	
30	22211DC2007	Võ Kế Tranh	CSC11209003	Truyền động điện	Điện -ĐT	1.0	
31	20211TA1264	Phạm Tiến Đạt	CNC11630002	Language Skills	TA	2.0	
32	22211KT0352	Nguyễn Thị Tú Như	CNC11001004	Kế toán quản trị 1	TCKT	7.5	
33	22211KT0352	Nguyễn Thị Tú Như	CNC11022004	Kế toán tài chính 2	TCKT	6.5	
34	22211KT4725	Nguyễn Thu Hoài	CNC11012301	Ứng dụng excel kế toán 1	TCKT	2.0	

Tp. HCM, ngày . 06 . tháng . 02 . năm 2024

KT.TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
(Đã ký)

Dương Đức Phú

NGƯỜI LẬP BẢNG

Lê Phương Đại